

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Trí
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phạm Thị Q, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Tổ X, ấp P, xã H, huyện A, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/3/2020)

2. *Bị đơn:* Trần Thanh T, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp Đ 1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/5/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Q và anh T được mai mối và đồng ý tiến tới hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, anh chị do bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị Q đã về nhà mẹ ruột và đã ly thân với anh T từ cuối năm 2016. Hơn ba năm nay, anh chị không gặp nhau nên không còn tình cảm, do đó chị

Q yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại tờ tự khai ngày 19/5/2020, anh Trần Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang vào năm 2015. Vợ chồng không cự cãi, chị Q tự động ra đi đến nay đã hơn ba năm không liên lạc, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, không có ý kiến trình bày bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa chị Phạm Thị Q và anh Trần Thanh T là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Thanh T hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp Đ1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Q và anh Trần Thanh T có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25-2015, quyển số I, ngày 03/3/2015. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị Q và anh T được đoàn tụ, nhưng anh chị đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh chị đều trình bày đã ly thân hơn ba năm, trong thời gian ly thân anh chị không gặp nhau để cùng giải quyết mâu thuẫn, ngoài ra anh chị đều gửi ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với nhau. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Q.

2.2 Về con chung: Chị Q và anh T đều trình bày không có con chung.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Q được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25-2015, quyển số I, ngày 03/3/2015 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006711 ngày 21/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Chị Phạm Thị Q và anh Trần Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao